ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số: 225/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Biên bản họp số 224/BB-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP và các nội dung, tài liệu liên quan trình Đại hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, đầu tư năm 2018 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2019, cụ thể như sau:

2.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2018

a. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2018 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018	Thực hiện năm 2018	% TH/KH 2018
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Tổng doanh thu	8.542,2	10.089,3	118,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	52,0	55,4	106,5%
4	Nộp ngân sách nhà nước	400,0	526,0	131,5%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	4%/năm	4%/năm	100%
6	Đầu tư phát triển	20,0	1,38	6,9%
7	Quỹ lương NLĐ	107,06	103,06	96,3%

b. Chi tiết kết quả đầu tư năm 2018 như sau:

➢ Đầu tư xây dựng cơ bản:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên Dự án	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018	Thực hiện năm 2018	% TH/KH 2018
	Tổng số	**20**	**1,38**	6,9%
1	Dự án Nhà hỗn hợp tại Quận 9 TP.HCM	20,0	0	0%
2	Dự án Khu công nghiệp Bắc Vinh	0	1,38	

➢ Đầu tư vào Công ty con (tăng vốn điều lệ tại Công ty con bằng thặng dư vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu bằng lợi nhuận chưa phân phối):

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư	Tại 01/1/2018		Kế hoạch năm 2018			Thực hiện năm 2018			
								Giá trị đầu tư thêm	
	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư thêm	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Bằng cổ tức từ CP/ Thặng dư vốn CP	Bằng tiền
Công ty Lilama Sea			64.986	99%	64.336	64.986	99%		64.336
Công ty CP Lilama 69-3 (*)	77.697	66,77%				82.794	66,42%	3.113	
Tổng cộng					**64.336**			**3.113**	**64.336**

(*) Năm 2018 Lilama 69-3 hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2017 từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và phát hành thêm cổ phiếu. Phần giá trị đầu tư thêm của LILAMA tại Lilama 69-3 năm 2018 được chia từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty (311.265 cổ phiếu).

c. Kết quả thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Tại 01/01/2018		Kế hoạch thoái vốn		TLSH của Lilama cần giảm	TLSH Lilama đã giảm năm 2018	Tại 31/12/2018	
		Vốn điều lệ	TLSH của Lilama (%)	TLSH của Lilama sau khi thoái vốn	Thời gian hoàn thành			Vốn điều lệ	TLSH của Lilama (%)
I	**Thoái vốn đến 36% VĐL**								
1	Công ty CP Lilama 5	51.498	51 %	36%	2019	15%	-	51.498	51 %
2	Công ty CP Lilama 7	50.000	51%	36%	2019	15%	-	50.000	51%
3	Công ty CP Lilama 10	98.900	51,05%	36%	2019	15,05%	-	98.900	51,05%
4	Công ty CP Lilama 18	93.887	51%	36%	2019	15%	-	93.887	51%

TT	Tên doanh nghiệp	Tại 01/01/2018		Kế hoạch thoái vốn		TLSH của Lilama cần giảm	TLSH Lilama đã giảm năm 2018	Tại 31/12/2018	
		Vốn điều lệ	TLSH của Lilama (%)	TLSH của Lilama sau khi thoái vốn	Thời gian hoàn thành			Vốn điều lệ	TLSH của Lilama (%)
5	Công ty CP Lilama 45-1	48.000	51%	36%	2018	15%	15%	48.000	36%
6	Công ty CP Lilama 69-1	75.762	51%	36%	2019	15%	-	75.762	51%
7	Công ty CP Lilama 69-3	77.697	66,8%	36%	2019	30,42%	0,35%	82.794	66,42%
8	Công ty CP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	15.000	36,18%		2014			15.000	36,18%
II	**Thoái toàn bộ vốn**								
1	Công ty CP Tư vấn quốc tế LHT	32.000	60%	-	2019	60%	-	9.600	60%
2	Công ty CP Lilama 69-2	82.982	44,96%	-	2019	44,96%	-	82.982	44,96%
3	Công ty CP Lilama 45.3	35.000	40,83%	-	2019	40,83%	-	35.000	40,83%
4	Công ty CP Lilama 45.4	40.000	35,06%	-	2019	35,06%	-	40.000	35,06%
5	Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama	32.652	51%	36%	2019	15,00%	-	32.652	51%
6	Công ty CP Lisemco	162.597	79,9%	36%	2019	43,9%	-	162.597	79,9%
7	Công ty CP Đầu tư xây dựng Lilama Lilama (Lilama Invest)	250.000	27,72%	-	2019	27,72%	-	250.000	27,72%
8	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	148.207	53,84%	-	2018	53,84%	53,84%	148.207	0,0%
9	Công ty CP Bất động sản Lilama land	104.713	27,93%	-	2019	27,93%	-	104.713	27,93%
10	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS	67.964	33,03%	-	2019	33,03%	-	67.964	33,03%
11	Công ty CP Chế tạo giàn khoan dầu khí	594.898	4,03%	-	2019	4,03%	-	594.898	4,03%
12	Công ty CP Xi măng Thăng Long	4.210.000	0,71%	-	2019	0,71%	-	4.210.000	0,71%
13	Công ty CP Thủy điện Hủa Na	2.256.592	3,86%	-	2019	4,00%		2.256.592	3,86%
14	Công ty CP Xi măng Sông Thao	639.400	18,74%	-	2019	18,74%	-	639.400	18,74%
15	Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	100.000	2,00%	-	2019	2,00%	-	100.000	2,00%
16	Công ty CP Cơ - Điện - Môi trường Lilama	39.000	5,64%	-	2019	5,64%	-	39.000	5,64%
17	Công ty CP TVTK và Công nghệ Lilama	20.000	10,00%	-	2019	10,00%	-	20.000	10,00%

2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ KH2019 /TH2018
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Tổng doanh thu	10.089,3	5.750,4	57,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	55,4	75,0	135,4%
4	Nộp ngân sách nhà nước	526,0	150,0	28,5%
5	Tỷ lệ cổ tức	4%/năm	5%/năm	125%
6	Đầu tư XDCB	1,38	20,0	1.449,3%
7	Quỹ lương NLĐ	103,06	129,37	125,5%

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP như sau:

I. Báo cáo tài chính riêng năm 2018

1. Tài sản - Nguồn vốn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
I	**TỔNG TÀI SẢN**	**Đồng**	**7.590.727.716.879**
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	6.498.085.793.161
2	Tài sản dài hạn	Đồng	1.092.641.923.718
II	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**Đồng**	**7.590.727.716.879**
1	Nợ phải trả	Đồng	6.686.147.621.639
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	904.580.095.240

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	10.089.292.932.192
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	55.395.046.471
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	44.695.749.808

II. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018

1. Tài sản - Nguồn vốn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
I	**TỔNG TÀI SẢN**	**Đồng**	**13.204.611.384.130**
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	11.334.068.290.300
2	Tài sản dài hạn	Đồng	1.870.543.093.830
II	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**Đồng**	**13.204.611.384.130**
1	Nợ phải trả	Đồng	11.618.043.704.127
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	1.586.567.680.003

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	13.362.829.440.849
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	(152.935.915.549)
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	(189.785.853.859)

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án chính thức sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng. Nội dung phân phối dự kiến như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
I	**Lợi nhuận năm trước chuyển sang năm 2018**		
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang theo NQ ĐHĐCĐ năm 2018		27.435.170.973
2	Điều chỉnh giảm theo kiến nghị của KTNN về quyết toán vốn NN tại LILAMA		9.514.804.494
3	Chuyển Phần Lợi nhuận chưa phân phối thuộc giai đoạn 100% Vốn nhà nước về Quỹ HTSX và phát triển DN		10.493.607
4	Tăng Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang do giảm trích Quỹ khen thưởng Người quản lý		139.725.000
5	**Lợi nhuận năm trước chuyển sang năm 2018**	**5=1-2-3+4**	**18.049.597.872**
II	**Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018**		
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2018		55.395.046.471
2	*Chi phí thuế TNDN hiện hành*		*10.699.296.663*
3	*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*		-
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018	II.4=II.1-II.2-II.3	44.695.749.808

TT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền
5	*Các khoản trừ vào Lợi nhuận sau thuế TNDN*		-
6	**Lợi nhuận năm 2018 dùng để phân phối các Quỹ**	**II.6=II.4-II.5**	**44.695.749.808**
III	**Phân phối Lợi nhuận năm 2018 cho các Quỹ**		**17.993.650.000**
1	Quỹ Đầu tư phát triển (20%)	III.1=II.6x20%	8.939.150.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (01 tháng lương thực hiện. Trong đó: 40% Quỹ khen thưởng; 60% Quỹ Phúc lợi)	= 103,06 tỷ đồng/ 12 tháng	8.588.000.000
3	Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên (1,5 tháng lương thực hiện năm 2018)		466.500.000
IV	**Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các Quỹ**	**IV=I.5+(II.6-III)**	**44.751.697.680**
1	**Chi cổ tức (4%/năm)**	**IV.1=VĐLx4%**	**31.890.441.600**
2	**Lợi nhuận còn lại sau khi đã phân phối**	**IV.2=IV-IV.1**	**12.861.256.080**

Điều 6. Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP như sau:

6.1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương và thù lao (triệu đồng/người/tháng)	Số tháng	Thành tiền (triệu đồng)
I	**Hội đồng quản trị**	**5**			***1.080,00***
1	Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách)	1	43,00	12	516,00
2	Thành viên HĐQT (Chuyên trách)	1	32,00	12	384,00
3	Thành viên HĐQT (Kiêm nhiệm)	3	5,00	12	180,00
II	**Ban Kiểm soát**	**4**			***432,00***
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	30,00	12	360,00
2	Thành viên BKS (Kiêm nhiệm)	1	3,000	12	36,00
3	Thành viên BKS (Kiêm nhiệm)	1	3,000	5	15,00
4	Thành viên BKS (Kiêm nhiệm)	1	3,000	7	21,00
	Tổng cộng	**9**			**1.512,00**

6.2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương và thù lao tối đa (triệu đồng/người/tháng)	Số tháng	Thành tiền (triệu đồng)
I	**Hội đồng quản trị**	**6**			***925,48***
1	Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách)	1	54,18	12	650,16
2	Thành viên HĐQT (Chuyên trách)	1	40,32	1	40,32
3	Thành viên HĐQT (Kiêm nhiệm)	3	5,000	12	180,00
4	Thành viên HĐQT (Kiêm nhiệm)	1	5,000	11	55,00
II	**Ban Kiểm soát**	**3**			***525,60***
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	37,80	12	453,60
2	Thành viên BKS (Kiêm nhiệm)	2	3,00	12	72,00
	Tổng cộng	**9**			**1.451,08**

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty duyệt chi tiền lương các chức danh quản lý của Tổng công ty theo quy định hiện hành của pháp luật. Nếu có sự thay đổi về số lượng thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách thì quỹ lương sẽ được thay đổi tương ứng. Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 sẽ được thực hiện phù hợp theo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.

Điều 8. Thông qua chủ trương "Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 (chỉnh sửa lần 4)" và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện sau khi có ý kiến chính thức bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

Điều 9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các cổ đông và tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:
- Như điều 9;
- Bộ Xây dựng;
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Website Lilama;
- Lưu HĐQT, VTLT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM

Nguyễn Đình Hải